

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2022/HSST

Ngày: 28-7-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hà Thị Bàn

Ông Hà Văn Lợi

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thuỳ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/HSST ngày 17 tháng 6 năm 2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/QĐXXST - HS ngày 13-7-2022. Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị H - Tên gọi khác: không. Sinh ngày 24-4-1976 tại tỉnh Yên Bái; Hiện trú tại: Thôn LM, xã LT, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12. Con ông Nguyễn Văn S - Sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị L - Sinh năm 1954. Có chồng là: Nguyễn Đức Đ - Sinh năm 1973 và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị truy nã theo Quyết định số: 06/QĐ-VPCQCSĐT ngày 16-12-2021, bị bắt tạm giữ từ ngày 22-01-2022. Có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Hoàng Trọng H1 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hồng Đức, đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: Nguyễn Đức Đ - Tên gọi khác: không. Sinh ngày 08-3-1973 tại tỉnh Yên Bái; Hiện trú tại: Thôn LM, xã LT, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12. Con ông Nguyễn Đức Ng - Sinh năm 1943 và bà Trần Thị Kh (Đã chết). Có vợ là: Nguyễn Thị H - Sinh năm 1976 và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị

truy nã theo Quyết định số: 07/QĐ-VPCQCSĐT ngày 16-12-2021, bị bắt tạm giữ từ ngày 22-01-2022. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Đức D - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hồng Đức, đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa

*Người bị hại:* Chị Phạm Thị LQ và anh Nguyễn Đình Gi (*Anh Nguyễn Đình Gi uỷ quyền cho chị Phạm Thị LQ tham gia tố tụng theo giấy uỷ quyền ngày 15-12-2021*)

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn NM, xã ÂL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. (*Chị LQ có mặt, anh Gi vắng mặt tại phiên toà*).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ làm nghề kinh doanh thu mua ván gỗ bóc tại Yên Bái để bán lại cho các cơ sở chế biến tại Hà Nội. Trong quá trình mua, bán gỗ bóc, Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ đã nhiều lần mua nợ ván gỗ bóc của chị Phạm Thị LQ, trú tại thôn NM, xã ÂL, thành phố YB. Ngày 12-11-2019, chị Phạm Thị LQ và vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ đã tính toán và cộng tổng số nợ là 634.960.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi tư triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng*). Do chưa có tiền trả nên Nguyễn Thị H đã viết giấy nhận nợ chị Phạm Thị LQ số tiền trên, đồng thời hẹn mỗi tháng sẽ trả Chị LQ 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Vì không trả được nợ như thoả thuận, nên giữa chị Phạm Thị LQ với Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ đã thống nhất hai bên sẽ cùng hợp tác làm ăn chung, cụ thể: Chị LQ bỏ vốn, Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ chịu trách nhiệm đi thu mua ván gỗ bóc của các xưởng rồi đưa đi bán lại cho các cơ sở chế biến. Lỗ, lãi đều chia đôi mỗi bên một nửa. Riêng Nguyễn Đức Đ thì được trả công thêm theo khối lượng vận chuyển do tự lái xe ô tô của nhà để vận chuyển ván gỗ bóc.

Đến ngày 24-7-2020, do xe ô tô của gia đình Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ bị người khác giữ vì còn nợ tiền chưa trả nên các bên có thoả thuận: Chị Phạm Thị LQ cho vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ vay 141.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu đồng*) để chuộc chiếc xe ô tô biển kiểm soát 21C-051.94 ra. Vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ có trách nhiệm trả khoản nợ Ngân hàng và lấy giấy tờ xe về, bán lại chiếc xe này cho Chị LQ với giá 450.000.000 đồng (*Số tiền này sẽ trừ vào số tiền vợ chồng Hương, Đoàn còn nợ Chị LQ trước đó*). Chị Phạm Thị LQ sẽ quản lý xe, còn Nguyễn Đức Đ sẽ lái xe và được trả lương là 8.000.000 đồng/01 tháng. Sau khi thoả thuận, chị Phạm Thị LQ đã đưa số tiền 141.000.000 đồng cho Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ để chuộc xe về. Nhưng sau đó vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ không trả

nợ ngân hàng để lấy giấy tờ xe về để chuyển nhượng cho Chị LQ như đã thỏa thuận.

Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2020, theo như thỏa thuận về việc cùng kinh doanh chung, chị Phạm Thị LQ đã nhiều lần giao tiền, giao hàng cho Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ đem đi bán. Nhưng sau khi bán hàng, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ đều không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền hàng được giao. Khi chị Phạm Thị LQ hỏi thì Nguyễn Thị H đều trả lời do các chủ mua hàng còn nợ lại tiền hàng, chưa thanh toán. Ngày 04-12-2020 sau khi chị Phạm Thị LQ cộng sổ sách và tính toán tiền hàng, Nguyễn Thị H đã thừa nhận việc tuy đã được các khách hàng trả đủ tiền nhưng không thanh toán lại cho Chị LQ mà đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Cụ thể:

- Vào các ngày 24-7-2020 và ngày 28-7-2020 Nguyễn Thị H đem ván gỗ bóc bán cho xưởng “LH” ở thôn CĐ xã ĐX huyện GL thành phố HN. Tuy đã được chủ xưởng thanh toán hết tiền nhưng Nguyễn Thị H lại báo với Chị LQ là xưởng còn nợ lại tổng số tiền là 62.000.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu đồng*)

- Vào các ngày 01-8-2020; 03-8-2020; 07-8-2020; 23-8-2020 và ngày 31-8-2020, Nguyễn Thị H đem ván gỗ bóc bán cho xưởng “TC” ở thôn CĐ xã ĐX huyện GL thành phố HN. Tuy đã được chủ xưởng thanh toán hết tiền nhưng Nguyễn Thị H lại báo với Chị LQ là xưởng còn nợ lại tổng số tiền là 118.782.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng*)

- Ngày 23-8-2020, Nguyễn Thị H đem ván gỗ bóc bán cho xưởng “Ông Ch” ở thôn CĐ xã ĐX huyện GL thành phố HN. Tuy đã được chủ xưởng thanh toán hết tiền nhưng Nguyễn Thị H lại báo với Chị LQ là xưởng còn nợ lại tổng số tiền là 77.389.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi chín ngàn đồng*)

- Vào các ngày 28-9-2020 và 25-10-2020 Nguyễn Thị H đem ván gỗ bóc bán cho xưởng “HH” ở thôn CĐ xã ĐX huyện GL thành phố HN. Tuy đã được chủ xưởng thanh toán hết tiền nhưng Nguyễn Thị H lại báo với Chị LQ là xưởng còn nợ lại tổng số tiền là 114.747.000 đồng (*Một trăm mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn đồng*)

- Ngày 02-10-2020, Nguyễn Thị H đem ván gỗ bóc bán cho xưởng “TH” ở thôn Tr xã VH huyện ĐA thành phố HN. Tuy đã được chủ xưởng thanh toán hết tiền nhưng Nguyễn Thị H lại báo với Chị LQ là xưởng còn nợ lại tổng số tiền là 42.070.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng*)

- Ngày 09-10-2020, Nguyễn Thị H đem ván gỗ bóc bán cho xưởng “DP” - Không xác định được địa chỉ. Tuy đã được chủ xưởng thanh toán hết tiền nhưng bị cáo Hương lại báo với Chị LQ là xưởng còn nợ lại tổng số tiền là 40.072.000 đồng (*Bốn mươi triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng*)

- Ngày 28-10-2020, Nguyễn Thị H đem ván gỗ bóc bán cho xưởng “VT” - Không xác định được địa chỉ. Tuy đã được chủ xưởng thanh toán hết tiền nhưng

Nguyễn Thị H lại báo với Chị LQ là xưởng còn nợ lại tổng số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*)

- Ngày 25-11-2020, Nguyễn Thị H đem ván gỗ bóc bán cho xưởng “Ông Th” - Không xác định được địa chỉ. Tuy đã được chủ xưởng thanh toán hết tiền nhưng Nguyễn Thị H lại báo với Chị LQ là xưởng còn nợ lại tổng số tiền là 76.600.000 đồng (*bảy mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*)

Ngoài ra, trong quá trình đi lấy hàng và bán hàng, Nguyễn Thị H còn nhận thanh toán tiền đặt cọc do chị Phạm Thị LQ đưa trước cho các khách hàng, với tổng số tiền là 25.400.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*) nhưng không thanh toán lại cho Chị LQ. Đồng thời không thanh toán cho Chị LQ các khoản tiền vay, tiền chi phí đi đường; tiền mua hàng còn thừa chưa trả; tiền thanh toán lỗ của một số chuyến hàng, tiền thuê thêm lái xe, với tổng số tiền là: 71.830.000 đồng (*Bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*). Vào ngày 30-7-2020, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ còn vay thêm Chị LQ 15.000.000 đồng.

Sau khi các bên đã cộng sổ sách và làm rõ trách nhiệm việc không thanh toán tiền hàng. Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ đã viết một “*Giấy gán nợ*” với nội dung thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền 798.060.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi tám triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*) của chị Phạm Thị LQ và thoả thuận sẽ gán nợ cho chị Phạm Thị LQ căn nhà xây 02 tầng ở thôn LM, xã LT, huyện TY để trừ vào một phần nợ này. Ngày 07-12-2021 chị Phạm Thị LQ đến Ủy ban nhân dân xã LT để làm thủ tục chuyển nhượng căn nhà theo như thoả thuận nhưng Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ không đến mà đã bỏ trốn khỏi địa phương, không liên lạc được.

Do Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ bỏ trốn không trả nợ nên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Yên Bái đã thu hồi, phát mại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 21C-051.94. Căn nhà xây hai tầng ở thôn LM, xã LT do Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ xây dựng trên đất của ông Nguyễn Đức Ng (*là bố đẻ Nguyễn Đức Đ*), chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không sử dụng để làm tài sản trả nợ được.

Tính đến tháng 12-2021, số tiền Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ chưa thanh toán trả cho chị Phạm Thị LQ là 1.519.850.000 đồng (*Một tỷ năm trăm mười chín triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*). Theo như tính toán của chị Phạm Thị LQ, trong tổng số tiền này có 121.290.000 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng*), là tiền lãi và tiền công Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ được hưởng trong quá trình kinh doanh chung. Tính đến ngày bỏ trốn, Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ còn nợ chị Phạm Thị LQ số tiền là 1.398.560.000 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Do không liên lạc được với vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ. Nên ngày 08-01-2021 chị Phạm Thị LQ làm đơn tố cáo hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” của Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ. Ngày 22-01-2022 Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ bị bắt theo Quyết định truy nã của cơ quan điều tra - Công an tỉnh Yên Bái.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ khai: Sau khi được chị Phạm Thị LQ tin tưởng giao cho chủ động đi mua, bán ván gỗ bóc. Các bị cáo đã nhiều lần lấy lý do các chủ mua hàng nợ tiền hàng để không thanh toán tiền bán hàng cho Chị LQ. Sau khi chiếm đoạt số tiền này, các bị cáo đã sử dụng để chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Do không có khả năng trả lại cho chị Phạm Thị LQ số tiền trên nên các bị cáo đã bỏ trốn để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Cáo trạng số: 35/CT-VKS-P2 ngày 16-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Thừa nhận đã vay tiền của chị Phạm Thị LQ và nhiều lần nói dối Chị LQ về việc các khách hàng còn nợ tiền để chiếm đoạt số tiền hàng được giao đem bán. Các bị cáo nhất trí bồi thường thiệt hại với số tiền 1.398.560.000 đồng do bị hại đưa ra.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: Không tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo khi phạm tội; bị cáo là người có nhân thân tốt và đã thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thoả thuận của các bị cáo với bị hại về bồi thường thiệt hại.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Đ: Không tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người có nhân thân tốt và đã thành khẩn khai báo, Bồi đền của bị cáo là người có công đã được tặng thưởng Huân chương hạng Ba. Bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Nguyễn Đức Đ 12 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thoả thuận của các bị cáo với bị hại về bồi thường thiệt hại.

Người bị hại Phạm Thị LQ: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 1.398.560.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu luận tội đã giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích

tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Đức Đ phạm tội: “ *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 13 đến 14 năm tù. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ từ 12 đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 1.398.560.000 đồng. Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo và bị hại không tranh luận gì thêm, nhất trí với nội dung luận tội và các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Thống nhất với mức bồi thường đã thỏa thuận giữa bị hại với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội, có cơ hội để khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái; của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái và của các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người bào chữa của các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi do các bị cáo thực hiện. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người làm chứng. Thể hiện các bị cáo đã thực hiện các hành vi bao gồm:

Do tin tưởng các bị cáo nên chị Phạm Thị LQ đã cho các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ nợ số tiền mua hàng gỗ ván bóc là 634.960.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi tư triệu chính trăm sáu mươi ngàn đồng*). Không yêu cầu các bị cáo thế chấp tài sản.

Cũng trên cơ sở tin tưởng các bị cáo, nên sau khi các bị cáo không trả được khoản nợ trước, chị Phạm Thị LQ lại nhiều lần giao hàng cho Nguyễn Thị H,

Nguyễn Đức Đ đem đi bán với mục đích tạo điều kiện cho các bị cáo có thu nhập để sinh sống và trả nợ. Tuy nhiên, sau khi bán hàng và đã được người mua hàng thanh toán tiền đầy đủ nhưng Nguyễn Thị H đã 13 lần không thanh toán hết lại tiền hàng cho chị Phạm Thị LQ mà dùng thủ đoạn gian dối khi nói với Chị LQ là người mua nợ tiền hàng chưa thanh toán, với mục đích để chiếm đoạt số tiền hàng được giao. Số tiền các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ chiếm dụng trong hoạt động mua bán hàng là: 631.660.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Các bị cáo đã thoả thuận vay tiền của chị Phạm Thị LQ số tiền 141.000.000 đồng để chuộc xe ô tô mang biển kiểm soát 21C-051.94, với hứa hẹn sẽ có trách nhiệm lấy giấy tờ xe về và chuyển nhượng chiếc xe này cho Chị LQ. Nhưng sau đó không thực hiện thoả thuận và cũng không trả lại số tiền này cho Chị LQ.

Cũng dựa trên cơ sở được chị Phạm Thị LQ tin tưởng, nên bị cáo Nguyễn Thị H đã nhận thanh toán tiền đặt cọc của các khách hàng do chị Phạm Thị LQ đưa trước, với tổng số tiền là 25.400.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*) nhưng không thanh toán lại cho Chị LQ. Đồng thời không thanh toán cho Chị LQ các khoản tiền chi phí đi đường; tiền mua hàng còn thừa; tiền thanh toán lỗ của một số chuyến hàng, tiền vay và tiền thuê thêm lái xe. Với tổng số tiền là 71.830.000 đồng (*Bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*); Không thanh toán khoản tiền 15.000.000 đồng đã vay ngày 30-7-2020.

Tổng số tiền các bị cáo vay và chiếm dụng không thanh toán lại cho chị Phạm Thị LQ là: 1.519.850.000 đồng (*Một tỷ năm trăm mười chín triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*). Sau khi đã trừ đi số tiền 121.290.000 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng*), tiền lãi và tiền công các bị cáo được hưởng trong quá trình kinh doanh chung. Số tiền các bị cáo lẽ ra phải thanh toán cho chị Phạm Thị LQ là: 1.398.560.000 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*). Nhưng các bị cáo đã không thanh toán khoản tiền này cho chị Phạm Thị LQ mà đã bỏ trốn nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tại Điều 175 Bộ luật hình sự quy định tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” như sau:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;.....

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng sự tin tưởng của người khác trong việc mua, bán tài sản rồi dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt; Lợi dụng việc người khác cho vay tiền nhưng đến hạn không trả mà bỏ trốn, là vi phạm pháp luật. Nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với mục đích trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nhằm chiếm đoạt tài sản. Số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 1.398.560.000 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*) là số tài sản có giá trị rất lớn. Nên hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản rồi bỏ trốn đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc cho dư luận. Nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, cũng cần thấy rằng: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo. Nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đức Đ có bố đẻ là ông Nguyễn Đức Ng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba. Vì vậy cần áp dụng cho bị cáo Nguyễn Đức Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đã nhiều lần gian dối khi nói lại với chị Phạm Thị LQ là khách hàng còn nợ nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản; nhiều lần nhận nợ nhưng sau đó bỏ trốn nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán. Nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nhưng không có sự phân công nhiệm vụ hay bàn bạc từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm đơn giản. Trong đó bị cáo Nguyễn Thị H là người được giao quản lý tài sản và trực tiếp mua bán với khách hàng. Bị cáo Nguyễn Thị H cũng là người chủ động thực hiện việc nói dối với chị Phạm Thị LQ việc những người mua hàng còn nợ tiền để chiếm đoạt tài sản. Đồng thời là người chủ động rủ bị cáo Nguyễn Đức Đ bỏ trốn để trốn tránh nghĩa vụ thanh toán. Nên bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án. Với vai trò vừa là người khởi xướng đồng thời thực hành tích cực nên có tính chất mức độ nguy hiểm trong đồng phạm cao hơn. Bị cáo Nguyễn Đức Đ không trực tiếp tham gia vào các hoạt động gian dối của bị cáo Nguyễn



Thị H. Nhưng sau khi cùng vay tài sản và biết bị cáo Nguyễn Thị H chiếm đoạt tài sản của bị hại Phạm Thị LQ, bị cáo đã cùng Nguyễn Thị H viết biên nhận nợ, hứa hẹn trả nợ sau đó cùng bỏ trốn với Nguyễn Thị H. Nên bị cáo đã tiếp nhận ý chí của bị cáo Nguyễn Thị H trong việc trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nhằm chiếm đoạt tài sản. Vì vậy bị cáo Nguyễn Đức Đ có vai trò là người thực hành trong vụ án. Hành vi của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm thấp hơn so với bị cáo Nguyễn Thị H. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 17; 58 Bộ luật Hình sự thì bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Nguyễn Đức Đ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị LQ có yêu cầu các bị cáo phải trả số tiền đã chiếm đoạt là: 1.398.560.000 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*). Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ nhất trí trả số tiền nêu trên cho người bị hại. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận thoả thuận giữa các bị cáo người bị hại về bồi thường dân sự để buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại. Do các bị cáo đã cùng gây thiệt hại nên phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền là 1.398.560.000 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*). Bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ là vợ chồng đồng thời cũng đã cùng ký các văn bản vay nợ chung. Nên trách nhiệm bồi thường của các bị cáo là như nhau. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại  $\frac{1}{2}$  số tiền đã chiếm đoạt là: 699.280.000 (*Sáu trăm chín mươi chín triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*)

[7] Ngoài hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thị LQ, các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ còn có hành vi vay nợ tiền của ông Hà Ngọc Q với số tiền là 190.000.000 đồng. Do ông Hà Ngọc Q xác định đây là quan hệ dân sự, không yêu cầu xử lý các bị cáo về hình sự. Nên việc cơ quan điều tra không khởi tố các bị cáo đối với hành vi này là phù hợp.

Trong vụ án, có Nguyễn Thị H1 là người được bị cáo Nguyễn Thị H nhờ gọi điện thoại cho chị Phạm Thị LQ, tự nhận là người mua ván gỗ bóc và nợ lại tiền. Nhưng khi gọi điện thoại cho Chị LQ, Nguyễn Thị H1 không biết bị cáo Nguyễn Thị H đang lừa dối để trốn tránh nghĩa vụ thanh toán. Nên việc các cơ quan điều tra, truy tố không đề cập xử lý về hình sự đối với Nguyễn Thị H1 là có cơ sở.

[8] Về án phí, các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

**2. Về hình phạt:**

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H:

16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22-01-2022, là ngày bị cáo bị bắt tạm giữ.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ: 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22-01-2022, là ngày bị cáo bị bắt tạm giữ.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Xử buộc các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức Đ phải liên đới bồi thường cho Chị Phạm Thị LQ và anh Nguyễn Đình Gi số tiền là: 1.398.560.000 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*). Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là: 699.280.000 (*Sáu trăm chín mươi chín triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Phạm Thị LQ, anh Nguyễn Đình Gi có yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ chưa thi hành xong khoản tiền bồi thường nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000, đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 31.971.000 đồng. (*Ba mươi một triệu chín trăm bảy mươi một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ; phòng PC 04 Công an tỉnh.
- Các bị cáo; người bào chữa, người bị hại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Vụ GDKT I- TANDTC
- Lưu: h/s, HS,HCTP, TQĐ, THA hình sự.

**Vũ Dũng**